

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/LĐ-ST

Ngày: 10/4/2025

V/v tranh chấp về yêu cầu
tuyên bố hợp đồng lao động
vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm - Nguyên Chủ tịch công đoàn Trung tâm y tế thành phố Bến Cát.

2. Bà Nguyễn Kim Lý - Nguyên Chủ tịch công đoàn Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-LĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Chúc L, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương
- có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn:

1. Công ty TNHH C.

Địa chỉ: Lô M - 2A - CN, Khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1986; cư trú:

Số 10, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2025) - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Công ty TNHH W.

Địa chỉ: Lô B - 5 - CN, đường N, Khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/02/2025) - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Dương Thị Diễm C, sinh năm 1992.

Hộ khẩu thường trú: Khu vực B, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Tạm trú: Khu phố 3, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố B (theo Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2025) - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2025, Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/02/2025, lời trình bày của nguyên đơn bà Dương Thị Chúc L trong quá trình tham gia tố tụng:

Bà Dương Thị Diễm C là em gái ruột của bà L. Do bà C chưa đủ tuổi lao động nên năm 2009, bà L cho bà C mượn bản chính giấy chứng minh nhân dân và thông tin của mình để bà C làm hồ sơ xin việc, nộp vào Công ty TNHH W (gọi tắt là Công ty W). Bà Châu vào làm công nhân tại Công ty W. Công ty W và bà C có ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm đúng quy định.

Bà C làm việc cho Công ty W từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2011. Khi nghỉ việc thì Công ty W có giải quyết chế độ đầy đủ. Trong thời gian bà C làm việc cho Công ty W thì bà L làm việc cho Công ty TNHH V (gọi tắt là Công ty V). Từ trước cho đến nay, bà L không làm việc cho Công ty W.

Hiện nay, bà L và bà C không còn giữ hợp đồng lao động và các giấy tờ được ký kết giữa bà C với Công ty W.

Tháng 11/2024, bà L đến Bảo hiểm xã hội thành phố B để làm thủ tục rút tiền bảo hiểm xã hội thì được biết trong giai đoạn từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2011, bà L cùng làm việc cho Công ty W và Công ty V nên cơ quan bảo hiểm không giải quyết chế độ cho bà L được.

Đề được giải quyết chế độ bảo hiểm, bà L khởi kiện Công ty W để yêu cầu giải quyết như sau: Tuyên vô hiệu Hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty W với bà L. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Bà L đồng ý chịu thay tiền án phí cho Công ty W.

Bà L rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH C và rút lại các yêu cầu: Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2010 và tháng 01/2011 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7409303714 cấp cho bà L, hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2010 và tháng 01/2011 đến tháng 02/2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 74093026730 cấp cho bà L.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Đặng Thị H là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH W trình bày:

Năm 2009, bà L vào làm công nhân tại Công ty W. Bà L và Công ty có ký hợp đồng lao động đúng quy định. Bà L và Công ty có tham gia bảo hiểm đầy đủ. Công ty không biết bà Dương Thị Diễm C là ai và từ trước cho đến nay, bà C chưa từng làm việc tại Công ty. Công ty không biết việc bà C sử dụng giấy chứng minh nhân dân và thông tin của bà L làm hồ sơ xin việc, nộp vào Công ty. Tháng 02/2011, bà L nghỉ việc tại Công ty. Công ty đã giải quyết đầy đủ chế độ khi nghỉ việc cho bà L. Hiện nay, Công ty không còn giữ hợp đồng lao động và các giấy tờ đã ký với bà L.

Công ty đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà L vì để tạo điều kiện cho bà L được giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội. Công ty không yêu cầu giải quyết hậu quả khi hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty không có lỗi trong tranh chấp giữa bà L với Công ty nên không đồng ý chịu tiền án phí.

Quá trình tham gia tố tụng, bà Nguyễn Thị Tú T là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH C trình bày:

Năm 2009, bà L vào làm công nhân tại Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty V). Công ty và bà L có ký hợp đồng lao động đúng quy định. Bà L và Công ty có đóng tiền bảo hiểm đầy đủ. Công ty không biết bà T (bạn của bà C) là ai. Công ty không biết bà T sử dụng giấy chứng minh nhân dân và thông tin của bà L để làm hồ sơ xin việc, nộp vào Công ty. Ngày 01/3/2013, bà L nghỉ việc tại Công ty. Công ty cũng đã giải quyết đầy đủ chế độ khi nghỉ việc cho bà L. Hiện nay, Công ty chỉ còn giữ được bảng lương khi nghỉ việc, danh sách lao động tham gia bảo hiểm xã hội có tên của bà L, còn các giấy tờ khác, Công ty không còn giữ.

Công ty đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L vì muốn tạo điều kiện cho bà L được giải quyết chế độ bảo hiểm. Công ty không yêu cầu giải quyết hậu quả khi hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty không có lỗi trong tranh chấp này nên không đồng ý chịu tiền án phí.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Diễm C trình bày:

Bà C và bà L là chị em ruột. Bà C thống nhất với toàn bộ lời khai của bà L có trong hồ sơ vụ án. Bà C làm việc cho Công ty W từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2011. Khi nghỉ việc, Công ty W có giải quyết chế độ đầy đủ cho bà C.

Hiện nay, bà C không còn giữ hợp đồng lao động hay bất cứ giấy tờ được ký kết giữa bà C với Công ty W.

Bà C thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L. Ngoài ra, bà C không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương trình bày:

Sổ Sổ bảo hiểm xã hội 7409303714 cấp cho bà L có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty W từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2011. Sổ Sổ bảo hiểm xã hội 7409306730 cấp cho bà L có quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty V từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2013.

Trong thời gian làm việc tại Công ty W và Công ty V, bà L có quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH V từ tháng 7/2009 đến tháng 9/2023.

Trường hợp Tòa án có căn cứ hủy hoặc có căn cứ xác định hợp đồng lao động giữa bà L với Công ty W và Công ty V vô hiệu thì Bảo hiểm xã hội thành phố B sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án. Đồng thời, Bảo hiểm xã hội thành phố Bến Cát xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án trên.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của đương sự và đương sự trong quá trình tham gia tố tụng nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà L; bà H, bà T là người đại diện hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C và ông N là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B có yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà có tên nêu trên theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện về hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2010 và tháng 01/2011 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7409303714; hủy kết quả quá trình đóng bảo

hiểm xã hội từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2010 và tháng 01/2011 đến tháng 02/2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 74093026730; rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH C. Việc rút một phần các yêu cầu khởi kiện trên của bà L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo Công văn số 161/CV-BHXXH ngày 20/3/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố B thể hiện bà L có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty W từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2011. Trong thời gian bà L làm việc cho Công ty W thì bà L có quá trình đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty V từ tháng 7/2009 đến tháng 9/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L, bà H thống nhất trình bày bà Ly và Công ty W có xác lập hợp đồng lao động. Bà L có làm công nhân tại Công ty W từ tháng 11/2009 đến tháng 02/2011. Công ty W có đóng tiền bảo hiểm cho bà Ly đầy đủ theo như nội dung công văn trình bày trên của Bảo hiểm xã hội thành phố B.

Bà L và bà C thống nhất trình bày bà L có cho bà C mượn giấy chứng minh nhân dân và lấy thông tin của bà L để làm hồ sơ xin việc tại Công ty W. Bà C vào làm việc tại Công ty W dưới tên của bà L, Công ty không biết việc này. Đồng thời, theo thông tin tại Sổ bảo hiểm số 7409219300 của Bảo hiểm xã hội thành phố B và lời khai của bà L thì trong thời gian bà C làm việc tại Công ty W (dưới tên bà L) thì bà L làm việc tại Công ty TNHH V.

Việc bà C sử dụng giấy chứng minh nhân dân, thông tin của bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty W là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, bà L yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà L với Công ty W là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Bà L chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như vậy, Công ty W và Công ty V cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Dương Thị Chúc L. Tuy nhiên, thực tế bà L chỉ làm việc tại Công ty V, không làm việc tại Công ty W. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty W với bà L là vô hiệu như những phân tích ở trên. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bị đơn Công ty W.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, 32, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 238, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Chúc L về tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Dương Thị Chúc L với Công ty TNHH W là vô hiệu.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc: Hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2010 và tháng 01/2011 đến tháng 02/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 7409303714; hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2010 và tháng 01/2011 đến tháng 02/2013 theo Sổ bảo hiểm xã hội số 74093026730; yêu cầu khởi kiện đối với Công ty TNHH C.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Dương Thị Chúc L phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn).

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hoàng An